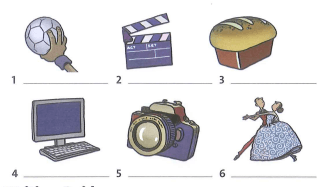
# Unit 2H. Writing (trang 23)

**SBT Tiếng Anh 11 trang 23 Unit 2 Writing - Friends Global**  
**1 (trang 23 SBT Tiếng Anh 11 Friends Global):** Match six school clubs below with the pictures (1-6) opposite. (Ghép sáu câu lạc bộ trường học dưới đây với các hình ảnh (1-6) đối diện)  
art club astronomy club baking club  
ballroom-dancing club computer club debating society  
drama society film club fitness club handball club  
photography club school choir school orchestra science club  
  
**Đáp án:**  
1. handball club  
2. film club  
3. baking club  
4. computer club  
5. photography club  
6. ballroom-dancing club  
**Giải thích:**  
1. Có hình bóng ném  
2. Có hình máy phim  
3. Có hình bánh mì  
4. Có hình máy tính  
5. Có hình máy ảnh  
6. Có hình hai người khiêu vũ  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. câu lạc bộ bóng ném  
2. câu lạc bộ điện ảnh  
3. câu lạc bộ làm bánh  
4. câu lạc bộ máy tính  
5. câu lạc bộ nhiếp ảnh  
6. Câu lạc bộ khiêu vũ  
  
**2 (trang 23 SBT Tiếng Anh 11 Friends Global):** At which of the other school clubs from exercise 1 could you: (Tại câu lạc bộ nào khác của trường trong bài tập 1, bạn có thể:)  
1. sing with other students?  
2. act in a play?  
3. do interesting experiments?  
4. draw and paint?  
5. discuss important issues?  
6. do physical exercises?  
7. look at the planets?  
8. play a musical instrument?  
**Đáp án:**  
1. school choir  
2. drama society  
3. science club  
4. art club  
5. debating society  
6. fitness club  
7. astronomy club  
8. school orchestra  
**Giải thích:**  
Nghĩa của từ vựng  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. dàn đồng ca của trường  
2. xã hội kịch  
3. câu lạc bộ khoa học  
4. câu lạc bộ nghệ thuật  
5. xã hội tranh luận  
6. câu lạc bộ thể hình  
7. câu lạc bộ thiên văn học  
8. dàn nhạc trường học  
  
**3 (trang 23 SBT Tiếng Anh 11 Friends Global):** Read the task and the model text. Number the four points (a-d) in the order they appear in the text. (Đọc bài tập và văn bản mẫu. Đánh số bốn điểm (a-d) theo thứ tự chúng xuất hiện trong văn bản)  
a. Say who attended the meeting and what happened at it.  
b. Give your opinion of how the first meeting went.  
c. Say why you formed the new club and where and when the first meeting took place.  
d. Describe your plans for the club.  
Last Thursday was the first meeting of the fitness club. This is a new club which I have organized with two classmates. We all love sports and PB and we thought it would be a good idea to encourage other people to be more active. We met in the gym after school and then went onto the playing field. Luckily the weather was good.  
Fifteen students turned up for the club. Eight of them were girls and seven were boys, and we all spent an hour doing a variety of games and exercises. For example, we played volleyball in the gym and football on the playing fold.  
All in all, I think the meeting was a success. Fifteen students is a good number, especially for a first mooting, although it would of course be better with more. Everybody took Dart. very enthusiastically, which is very encouraging In the future, I hope to organize a wider variety of games and sports. I also plan to advertise the club better—posters on the main noticeboard and an article in the school newspaper. I'd also like us all to enter a fun run next spring.  
**Đáp án:** a-2, b-3, c-1, d-4  
**Giải thích:**  
Sắp xếp theo trình tự thời gian  
**Hướng dẫn dịch:**  
Thứ Năm tuần trước là buổi họp đầu tiên của câu lạc bộ thể hình. Đây là một câu lạc bộ mới mà tôi đã tổ chức cùng với hai người bạn cùng lớp. Tất cả chúng tôi đều yêu thích thể thao và PB và chúng tôi nghĩ rằng sẽ là một ý tưởng hay nếu khuyến khích người khác năng động hơn. Chúng tôi đã gặp nhau ở phòng tập thể dục sau giờ học và sau đó chúng tôi ra sân chơi. May mắn là thời tiết tốt.  
Mười lăm học sinh đã đến tham gia câu lạc bộ. Tám người trong số họ là nữ và bảy người là nam, và tất cả chúng tôi đã dành một giờ để thực hiện nhiều trò chơi và bài tập khác nhau. Ví dụ, chúng tôi chơi bóng chuyền trong phòng tập thể dục và bóng đá khi chơi.  
Nhìn chung, tôi nghĩ cuộc họp đã thành công. Mười lăm học sinh là một con số tốt, đặc biệt trong lần tranh luận đầu tiên, mặc dù nếu nhiều hơn thì tất nhiên sẽ tốt hơn. Mọi người đều lấy Dart. rất nhiệt tình, điều đó rất đáng khích lệ. Trong tương lai, tôi hy vọng có thể tổ chức nhiều trò chơi và thể thao đa dạng hơn. Tôi cũng có kế hoạch quảng cáo câu lạc bộ tốt hơn – áp phích trên bảng thông báo chính và một bài báo trên tờ báo của trường. Tôi cũng muốn tất cả chúng ta tham gia một cuộc chạy bộ vui vẻ vào mùa xuân tới.  
  
**4 (trang 23 SBT Tiếng Anh 11 Friends Global):** Read the Writing Strategy. Which two of the five underlined sentences in the text could you delete? (Đọc Chiến lược viết. Bạn có thể xóa hai câu nào trong số năm câu được gạch chân trong văn bản?)  
1st sentence 3rd sentence 5th sentence  
2nd sentence 4th sentence  
**Đáp án:** 3rd sentence, 5th sentence  
**Giải thích:**  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
**5 (trang 23 SBT Tiếng Anh 11 Friends Global):** Read the task. Then make notes for each point (a-d). Use the questions (1-4) below to give you ideas. (Đọc nhiệm vụ. Sau đó ghi chú cho từng điểm (a-d). Sử dụng các câu hỏi (1-4) dưới đây để đưa ra ý tưởng cho bạn)  
You have joined a new club at school and attended your first session. Write a blog post about it.  
a. Say when and where it took place.  
b. Say who attended the session and what happened.  
c. Suggest how the club could improve its activities.  
d. Make a request for some equipment.  
1. What club is it? Where / When was the session? How many people were there? What did you do?  
2. Did you enjoy the session? What was the best / worst thing about it?  
3. What would make the club better?  
4. What equipment does the club need? Why?  
**Đáp án:**  
a. The club is a chess club. The session was on Monday, 2 December 2023, from 3:30 to 5:00 pm. It took place in the school library. There were about 15 people there. We played chess games with each other and learned some strategies and tactics.  
b. The session was attended by students from different grades and levels of chess skills. Some were beginners, some were intermediate, and some were advanced. We were divided into groups according to our skills and played chess games with each other. We also had a chess coach who taught us some tips and tricks on how to improve our chess skills.  
c. The club could improve its activities by having more variety and fun. For example, we could have some chess tournaments, quizzes, or challenges. We could also have some guest speakers or experts who could share their chess stories and experiences. We could also have some social events or outings where we could play chess with other chess clubs or enthusiasts.  
d. The club needs some more chess sets and boards. Some of the ones we have are old and worn out. Some pieces are missing or broken. We also need some chess clocks and timers to make the games more exciting and competitive. Having more chess equipment would allow us to play more games and practice more skills.  
**Giải thích:**  
a. take place in somewhere: diễn ra ở đâu  
b. attend: tham gia  
c. improve skills: cải thiện kĩ năng  
d. need sth: cần gì đó  
**Hướng dẫn dịch:**  
a. Câu lạc bộ là một câu lạc bộ cờ vua. Phiên họp diễn ra vào Thứ Hai, ngày 2 tháng 12 năm 2023, từ 3:30 đến 5:00 chiều. Nó diễn ra trong thư viện trường học. Có khoảng 15 người ở đó. Chúng tôi chơi cờ với nhau và học được một số chiến lược và chiến thuật.  
b. Buổi học có sự tham gia của các học sinh thuộc các cấp lớp và trình độ kỹ năng cờ vua khác nhau. Một số là người mới bắt đầu, một số là người ở trình độ trung cấp và một số là người ở trình độ cao cấp. Chúng tôi được chia thành các nhóm tùy theo kỹ năng của mình và chơi cờ với nhau. Chúng tôi cũng có một huấn luyện viên cờ vua, người đã dạy chúng tôi một số mẹo và thủ thuật để cải thiện kỹ năng chơi cờ của chúng tôi.  
c. Câu lạc bộ có thể cải thiện các hoạt động của mình bằng cách có nhiều sự đa dạng và vui vẻ hơn. Ví dụ: chúng ta có thể tổ chức một số giải đấu cờ vua, câu đố hoặc thử thách. Chúng tôi cũng có thể mời một số diễn giả khách mời hoặc chuyên gia có thể chia sẻ những câu chuyện và kinh nghiệm chơi cờ của họ. Chúng ta cũng có thể tổ chức một số sự kiện xã hội hoặc chuyến đi chơi để chơi cờ với các câu lạc bộ hoặc những người đam mê cờ vua khác.  
d. Câu lạc bộ cần thêm một số bộ cờ và bàn cờ. Một số cái chúng tôi có đã cũ và cũ. Một số phần bị thiếu hoặc bị hỏng. Chúng ta cũng cần một số đồng hồ và bộ tính giờ chơi cờ để làm cho trò chơi trở nên thú vị và mang tính cạnh tranh hơn. Có thêm dụng cụ chơi cờ sẽ cho phép chúng ta chơi nhiều ván hơn và rèn luyện nhiều kỹ năng hơn.  
  
**6 (trang 23 SBT Tiếng Anh 11 Friends Global):** Write a blog post. Use your notes from exercise 5. (Viết một bài đăng trên blog. Sử dụng ghi chú của bạn từ bài tập 5)  
CHECK YOUR WORK  
Have you ...  
- covered all four points in the task?  
- written clearly and concisely with no irrelevant details?  
- checked your spelling and grammar?  
**Đáp án:**  
Hello! I have ust got my hands on the latest Iphone, and I'm loving it so far. Using it for calls, messaging, social media, work tasks, and entertainment.  
It's a significant upgrade from my previous one – Iphone 11, with noticeable improvements in performance and camera quality.  
I've been pondering the debate around mobile phones in schools lately. Some argue for a ban due to potential distractions, while others highlight their educational utility.  
What do you think? Feel free to share your own thoughts!  
**Hướng dẫn dịch:**  
*Bạn có...*  
¨ *bao gồm tất cả bốn điểm chưa?*  
¨ *đã sử dụng một hoặc hai điều khoản nhượng bộ chưa?*  
¨ *kiểm tra chính tả và ngữ pháp của bạn chưa?)*  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
**Unit 2A. Vocabulary (trang 16)**  
**Unit 2B. Grammar (trang 17)**  
**Unit 2C. Listening (trang 18)**  
**Unit 2D. Grammar (trang 19)**  
**Unit 2E. Word Skills (trang 20)**  
**Unit 2F. Reading (trang 21)**  
**Unit 2G. Speaking (trang 22)**  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit I: Introduction  
Unit 1: Generations  
Unit 3: Sustainable health  
Unit 4: Home